TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BG	**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 25/2019/DS-PT.
Ngày 26/3/2019.
"V/*v Tranh chấp quyền sử dụng đất* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Ông Bạch Đăng Thi.

- Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang***: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bxét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLPT-DS ngày 14/01/2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện S có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐ-PT ngày 12/3/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn* : ÔngTrương Văn H1, sinh năm 1962; (có mặt).

Bà Đỗ Hương Gi1, sinh năm 1962; (có mặt).

Địa chỉ: thôn Nhân Định, xã YĐ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* *Bị đơn* : Bà Hoàng Thị C1, sinh năm 1980; (Có mặt).

Địa chỉ: thôn Nhân Định, xã YĐ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1) Ủy ban nhân dân huyện S: Ông Ngọc Minh P1 – Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện S – Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2) Anh Trương Văn Th1, sinh năm 1983; Vắng mặt.

3) Chị Trương Thị Ng, sinh năm 1987; Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Nhân Định, xã YĐ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

(Ông H1, Bà Gi1, Anh Th1, Chị Ng ủy quyền cho chị Trương Thị L đại diện tham gia tố tụng).

Địa chỉ: thôn Nhân Định, xã YĐ, huyện S, tỉnh B(có mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị C1 - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

***** Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Đỗ Hương Gi1 trình bầy: Về nguồn gốc đất: Gia đình bà được chính quyền địa phương phối hợp với Lâm Trường 2 S và UBND huyện S giao cho quản lý đất lâm nghiệp để trồng cây theo dự án Việt Đức và quản lý bảo vệ rừng, diện tích 14,8ha thuộc lô 24, khoảnh 7, thôn Nhân Định, xã YĐ, huyện S. Năm 1995 gia đình bà đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa xanh) đúng với diện tích và lô khoảnh đất được giao ban đầu; ngày 31/01/1999 gia đình bà được UBND huyện S cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chuyển đổi từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ) số sổ P 026454 mang tên hộ ôngTrương Văn H1.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp: Tháng 4/2017 do sau khi kiểm tra đất gia đình bà thấy thiếu đất và xác định gia đình bà Hoàng Thị C1 có đất ở liền kề đã tự ý phát quang trồng cây keo và giữ rừng nguyên sinh trên diện tích đất 4,08ha của gia đình bà, gia đình bà đã yêu cầu Bà C1 trả đất nhiều lần nhưng Bà C1 không nghe mà vẫn cố tình giữ đất và làm từ đó cho đến nay.

UBND xã đã tiến hành hòa giải ngày 11/01/2018 kết luận: Đất tranh chấp gia đình Bà C1 đang quản lý là đất của gia đình bà, không nằm trong sổ của gia đình Bà C1 nhưng Bà C1 không đồng ý trả.

Gia đình bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện S giải quyết, buộc gia đình Bà C1 phải trả lại toàn bộ diện tích đất 4,08ha cho gia đình bà quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Về cây keo trên đất Bà C1 trồng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

***** Bị đơn bà Hoàng Thị C1 xác nhận một phần lời khai của bên nguyên đơn; tại bản tự khai, lời trình bầy trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa Bà C1 trình bầy:

Về nguồn gốc đất: Trước năm 1995 đất là do bố chồng bà (ông Nịnh Văn Nhâm) quản lý; năm 1995 bố mẹ chồng bà có giao lại cho vợ chồng bà quản lý, trong năm 1995 gia đình bà được chính quyền địa phương phối hợp với Lâm Trường 2 S và UBND huyện S giao cho quản lý để trồng cây theo dự án Việt Đức, quản lý bảo vệ rừng gia đình, gia đình bà được UBND huyện S cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa xanh), diện tích là 19,1ha, thuộc lô 27, khoảnh 7, thôn Nhân Định, xã YĐ. Ngày 31/01/1999 gia đình bà được UBND huyện S cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chuyển đổi từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ) số sổ P026532 mang tên hộ ông Nịnh Văn T. Từ khi nhận đất gia đình bà vẫn quản lý, canh tác liên tục như quản lý rừng tái sinh và trồng cây keo từ năm 2004 cho đến nay đúng với ranh giới đất được giao.

Nguyên nhân tranh chấp: Cuối năm 2016 khi gia đình bà đang quản lý, canh tác thì gia đình Ông H1, Bà Gi1 có đất ở liền kề cho rằng gia đình bà trồng cây keo và giữ rừng nguyên sinh trên diện tích đất của gia đình Ông H1, Bà Gi1.

UBND xã đã tiến hành hòa giải ngày 11/01/2018 kết luận: UBND xã kết luận không rõ ràng và hòa giải không thành.

Gia đình bà không lấn chiếm đất của gia đình Ông H1, Bà Gi1; do vậy, yêu cầu của Ông H1, Bà Gi1 trả lại diện tích đất 4,08ha bà không chấp nhận. Bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện S giải quyết theo quy định của pháp luật; ngoài ra bà không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Nguyên đơn là ôngTrương Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn Th1, chị Trương Thị Ng trình bầy trong bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ có ý kiến như Bà Gi1 trình bầy; Ông H1, Anh Th1 và Chị Ng có quan điểm là đất gia đình đã được nhà nước giao có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình quản lý, canh tác đúng lô khoảnh được giao nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình Bà C1 trả lại đất cho gia đình theo quy định của pháp luật.

***** Quan điểm của UBND huyện S:

1. Quá trình giao đất và làm hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận cho gia đình ôngTrương Văn H1 và gia đình bà Hoàng Thị C1 là đúng theo trình tự, thủ tục của Luật Đất đai hiện hành.

2. Khi giao đất cho hai hộ gia đình nêu trên chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn giao đất không cắm mốc giới giáp ranh, nhưng có gọi các chủ sử dụng đất, các hộ giáp ranh có liên quan đến cùng xem xét. Việc quản lý mốc ranh giới giữa các hộ gia đình bằng các mốc toạ độ được giao trên thực địa theo bản đồ cấp đất và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Sau khi giao đất các bên đã nhận tại thực địa và công nhận về giáp ranh giữa các hộ liền kề với nhau. Nguyên nhân có thể là do có sự sai số giữa hai lần đo đạc thực tế; do khi giao đất địa hình rộng phức tạp, việc giao bằng thủ công và giao tại thực địa theo rông, bờ khe, rạch và lấy cây lớn làm mốc hoặc do các hộ gia đình trong quá trình canh tác có lấn chiếm diện tích đất của nhau nhưng họ không tự xác định được các điểm tọa độ theo sơ đồ; từ nguyên nhân trên nên gia đình Ông H1 thiếu đất.

4. Quan điểm của UBND huyện về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn, tài liệu chứng cứ thu thập và kết quả xem xét, thẩm định để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, Toà án cùng các cơ quan chuyên môn đã xem xét và thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp (hình thức đo đất bằng máy định vị GPS, về cây tính theo ô tiêu chuẩn), sau khi đo đạc ghi số liệu đến ngày 15/10/2018 lập biên bản các bên ký kết công nhận kết quả thẩm định, định giá, kết quả xem xét như sau:

Đất của gia đình ôngTrương Văn H1, bà Nguyễn Hương Gi1 hiện đang quản lý: Từ điểm B – E (hướng Bắc) = 407m; từ điểm E – S (hướng Đông) = 264m; từ điểm S - A (hướng Nam) = 587m; từ điểm D – A (hướng Tây) = 430m; A1 – D = 50m; A1 – A 2 = 170m. Tổng diện tích: 10,22ha.

Đất của gia đình bà Hoàng Thị C1 hiện đang quản lý: Hướng Bắc từ điểm R – K = 416m, K – X = 143m, X – O = 149m, O – I = 149m, H – I = 113m; Hướng Tây bắc H – G = 212m; Hướng Tây nam từ G – A = 515m; Hướng Đông từ A – B = 329m, C – R = 64m; Hướng Nam từ B – C = 219m. Tổng diện tích đất: 19,1ha.

Đất tranh chấp giữa hai bên hiện gia đình bà Hoàng Thị C1 đang quản lý: Hướng Tây bắc từ điểm A – B = 329m; Hướng Bắc từ B – A2 = 40m; Hướng Đông bắc từ A1 – A2 = 170m; Hướng Đông từ A1 - D = 50m; Hướng Đông nam từ A - D = 430m. Tổng diện tích đất: 4,08ha. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo, trong đó diện tích đất trồng cây keo 0,98ha và diện tích đất là rừng tự nhiên 3,1ha).

Về tài sản trên đất tranh chấp: Gia Bà C1 đã trồng 2.100 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm và 2.100 cây keo có đường kính gốc từ 5 - 10cm; ngoài ra là rừng nguyên sinh.

Đối chiếu với bản đồ địa chính giao đất lâm nghiệp số 02 của UBND xã YĐ, thì diện tích đất tranh chấp 4,08ha gia đình Bà C1 đang quản lý, canh tác nằm trong diện tích đất 14,8ha thuộc lô 24, khoảnh 7, thôn Nhân Định, xã YĐ mà gia đình Ông H1, Bà Gi1 đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do các bên không thống nhất được giá trị tài sản trên đất tranh chấp, ngày 15/10/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện S đã tiến hành định giá như sau: Đất 4,08ha x 40.000.000đ/ha = 163.200.000đ; 2.100 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm x 5.500đ/cây = 11.550.000đ và 2.100 cây keo có đường kính gốc từ 5 - 10cm x 7000/cây = 14.700.000đ; Tổng giá trị tài sản định giá là: 189.450.000đ. Về rừng nguyên sinh không định giá.

Bên nguyên đơn có mặt nhất trí với kết quả thẩm định, định giá không có ý kiến gì. Bên bị đơn không nhất trí với kết quả thẩm định nhưng không có văn bản kiến nghị gì.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện S đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 138; 166; 185; 357; khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự. khoản 1, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2, Điều 5, khoản 1 Điều 10; Điều 105, khoản 1 Điều 135 - Luật đất đai năm 2013. Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án .

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1.

[2] Buộc bị đơn bà Hoàng Thị C1 phải trả lại cho gia đình ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1 quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp 4,08ha nằm trong diện tích đất 14,8ha thuộc thuộc lô 24, khoảnh 7, thôn Nhân Định, xã YĐ, huyện S mà UBND huyện S đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ôngTrương Văn H1; đất có ranh giới tiếp giáp các điểm: Hướng Tây bắc từ điểm A – B = 329m; Hướng Bắc từ B – A2 = 40m; Hướng Đông bắc từ A1 – A2 = 170m; Hướng Đông từ A1 - D = 50m; Hướng Đông nam từ A - D = 430m. Tổng diện tích đất: 4,08ha. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

[3] Giao cho gia đình ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1 được sở hữu toàn bộ tài sản do gia đình bà Hoàng Thị C1 tạo lập gắn liền trên đất gồm: 2.100 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm và 2.100 cây keo có đường kính gốc từ 5 - 10cm.

Gia đình Ông H1, Bà Gi1 được quản lý cây rừng tự nhiên trên đất tranh chấp 3,1ha, gia đình Ông H1 Bà Gi1 phải có trách nhiệm đối với nhà nước trong việc trông coi quản lý và bảo vệ rừng theo quy định.

[4] Nguyên đơn ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1 phải trả cho bà Hoàng Thị C1 tiền giá trị tài sản là: 26.250.000đồng (Hai mươi sáu triệu, hai trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 04/12/2018, bà Hoàng Thị C1 là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Không nhất trí toàn bộ nội dung bản án của Tòa án nhân dân huyện S. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc gia đình bà phải trả hộ gia đình bà Đỗ Hương Gi1 toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp 4,8 ha thuộc lô 24 khoảnh 7 thôn Nhân Định, xã YĐ, huyện S và số tiền thẩm định là 15.000.000đồng là không đúng. Vì diện tích đất tranh chấp này thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà.

Tại phiên Toà phúc thẩm, nguyên đơn là ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà C1 là bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Bà Gi1 trình bày: Bà không chấp nhận kháng cáo của Bà C1. Buộc bị đơn là bà Hoàng Thị C1 phải trả lại cho gia đình ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Thị Hương Giang quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp 4,08 ha. Giao cho gia đình bà được sở hữu toàn bộ tài sản do gia đình bà Hoàng Thị C1 tạo lập gắn liền trên đất.

* Bị đơn là bà Hoàng Thị C1 trình bày: Bà không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để trả lại diện tích đất rừng cho bà vì từ khi nhận đất gia đình bà vẫn quản lý, canh tác liên tục cũng như quản lý rừng tái sinh và trồng cây keo từ năm 2004 cho đến nay đúng với ranh giới đất được giao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bphát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà C1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Thủy, Chị Ng vắng mặt nhưng có văn bản ủy quyền cho chị Trương Thị L; đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện S có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh Th1, Chị Ng và Ủy ban nhân dân huyện S.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị C1 với nội dung: Không chấp nhận nội dung của bản án sơ thẩm, buộc bà phải trả lại diện tích đất lâm nghiệp cho gia đình Bà Gi1 vì thực tế gia đình bà vẫn đang quản lý và chăm sóc. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối chiếu qua các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp và như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng các giấy tờ liên quan, quan điểm của UBND huyện S; kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cũng như kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy: Các bên đều đồng ý với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện S xác định sau khi

giao đất các bên đã nhận tại thực địa và công nhận về giáp ranh giữa các hộ liên kề với nhau. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đối chiếu với bản đồ địa chính giao đất lâm nghiệp số 02 của UBND xã YĐ thì diện tích đất tranh chấp 4,08 ha gia đình Bà C1h đang quản lý, canh tác nằm trong diện tích đất 14,8ha thuộc lô 24, khoảnh 7, thôn Nhân Định, xã YĐ mà gia đình Ông H1, Bà Gi1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất Bà C1 sử dụng không nằm trong phần diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà C1. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà C1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của Bà C1 là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà C1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị C1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ vào các Điều 138; 166; 185; 357; khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 1, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2, Điều 5, khoản 1 Điều 10; Điều 105, khoản 1 Điều 135 - Luật đất đai năm 2013. Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án .

1. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị C1 phải trả lại cho gia đình ông Trương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1 quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp 4,08ha nằm trong diện tích đất 14,8ha thuộc thuộc lô 24, khoảnh 7, thôn Nhân Định, xã YĐ, huyện S mà UBND huyện S đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ôngTrương Văn H1; đất có ranh giới tiếp giáp các điểm: Hướng Tây bắc từ điểm A – B = 329m; Hướng Bắc từ B – A2 = 40m; Hướng Đông bắc từ A1 – A2 = 170m; Hướng Đông từ A1 - D = 50m; Hướng Đông nam từ A - D = 430m. Tổng diện tích đất: 4,08ha. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

2. Giao cho gia đình ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1 được sở hữu toàn bộ tài sản do gia đình bà Hoàng Thị C1 tạo lập gắn liền trên đất gồm: 2.100 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm và 2.100 cây keo có đường kính gốc từ 5 - 10cm.

Gia đình Ông H1, Bà Gi1 được quản lý cây rừng tự nhiên trên đất tranh chấp 3,1ha, gia đình Ông H1 Bà Gi1 phải có trách nhiệm đối với nhà nước trong việc trông coi quản lý và bảo vệ rừng theo quy định.

3. Nguyên đơn ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1 phải trả cho bà Hoàng Thị C1 tiền giá trị tài sản là: 26.250.000đ (Hai mươi sáu triệu, hai trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

4. Về án phí: ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1 và bà Hoàng Thị C1 được miễn toàn bộ án phí DSST.

- Án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Hoàng Thị C1.

5. Phí đo đạc thẩm định và định giá: bà Hoàng Thị C1 phải trả cho ôngTrương Văn H1, bà Đỗ Hương Gi1 số tiền: 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng chẵn).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện S;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà